

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2017.

V/v ly hôn giữa chị N và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuy.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lưu Danh Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXX-ST ngày 16/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị N có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Vũ L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn yêu cầu ly hôn ngày 17/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Hoàng Vũ L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện N. Tuy nhiên ngày 06/6/2013 (Sau khi tôi sinh con thứ nhất) thì chúng tôi mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và khai sinh cho con.

Sau khi cưới vợ chồng tôi sống chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh L ở thôn Y, xã Y1, huyện N một thời gian ngắn, sau đó chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tôi tại

thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Về tình cảm vợ chồng: Chúng tôi chỉ sống hạnh phúc đến khi chúng tôi sinh con thứ nhất thì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tôi không hợp nhau, nên trong cuộc sống thường xuyên cãi chửi, đánh nhau vì thương các con tôi đã cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, kể từ khoảng tháng 3/2015 thì anh L trở về sinh sống cùng với bố mẹ anh L ở xã Y1, huyện N, còn tôi thì sinh sống cùng với bố mẹ tôi ở tại xã X cho đến nay. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu: Hoàng Phúc L, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 20/10/2014. Kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân thì cháu L ở với tôi và cháu T ở với anh L. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L tiếp tục nuôi cháu T và tôi tiếp tục được nuôi cháu L, không ai phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và công nợ chung: chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Bị đơn không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Vũ L;

- Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Phúc L, sinh ngày 20/10/2012 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 20/10/2014 cho anh Hoàng Vũ L tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung - Công nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết vì không có, nên không đặt ra việc giải quyết. Anh L không làm việc với Tòa án và không thể hiện

quan điểm, nếu sau này anh L có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng anh L, chị N sau khi ly hôn thì theo quy định của pháp luật Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y1 (BL: 01) thể hiện: Tại thời điểm chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Hoàng Vũ L thì anh L là người làm việc và thường xuyên sinh sống tại thôn Y, xã Y1. Ngày 23 tháng 5 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý và ra thông báo về việc thụ lý vụ án số 113/2017/TB-TLVA gửi cho các bên đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L. Tuy nhiên do anh L đi làm và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 không có mặt ở nhà nên ông Hoàng Văn B (Bố đẻ của anh Hoàng Vũ L) đã trực tiếp nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2017 (BL: 24, 25) ông B trình bày: Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc cháu Nguyễn Thị N xin ly hôn với cháu Hoàng Vũ L, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, tôi đã điện và thông báo toàn bộ nội dung các văn bản của Tòa án cho con trai tôi là Hoàng Vũ L theo số điện thoại 0968947787 con trai tôi trả lời: Đồng ý ly hôn với cô N, xin được tiếp tục nuôi con chung hiện nay đang ở với con trai tôi là cháu Hoàng Xuân T vì cháu T đã ở với con trai tôi từ khi cháu mới được 06 tháng 07 ngày tuổi, nhưng vì con trai tôi còn bận đi làm lấy tiền để nuôi cháu T nên không thể về làm việc với Tòa án được, có lần cháu về thì lại vào thứ bảy, chủ nhật Tòa án lại không làm việc nên con trai tôi không đến làm việc với Tòa án được. Kết quả xác minh tại UBND xã Y1 (BL: 26, 27) thể hiện: Anh L có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, sinh sống cùng với cháu T tại nhà của ông Hoàng Văn B, tuy nhiên hết thời vụ thì anh L có đi làm ăn. Do anh L không có mặt tại Tòa án nên ngày 04/8/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã lập biên bản về việc không hòa giải được. Ngày 16/8/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã trực tiếp giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐST-HNGĐ cho ông B, ông B đã giao lại cho anh L, nhưng anh L vẫn không có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục triệu tập họp lệ cho anh L, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L và giao bản án cho anh L hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị N: Yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Vũ L, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Hoàng Phúc L. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Vũ L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trước khi hai người bắt đầu cuộc sống chung thì họ chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định mà mãi đến ngày 06/6/2013 (sau khi sinh con thứ nhất) thì chị N, anh L mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã X. Sau khi sống chung họ cũng chỉ hạnh phúc với nhau cho đến khi vợ chồng sinh con thứ nhất thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu theo chị N xác định là do hai vợ chồng chị không hợp tính nhau dẫn đến hai vợ chồng thường cãi chửi đánh nhau. Kể từ tháng 3/2015 hai người chính thức ly thân cho đến nay. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của ông Hoàng Văn B (BL: 24, 25), phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã Y1 và UBND xã X (BL: 26, 27, 29, 30). Đủ chứng cứ để xác định tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị N, anh L không còn tồn tại mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh L có 02 con chung là các cháu: Hoàng Phúc L, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 20/10/2014. Kể từ thời điểm vợ chồng chị N, anh L sống ly thân (tháng 3/2015) thì cháu L ở với chị N, còn cháu T ở với anh L, các cháu đều được chị N, anh L chăm sóc chu đáo điều này được thể hiện qua kết quả xác minh tại UBND xã Y1 và UBND xã X (BL: 28, 27, 29, 30). Để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của các cháu, đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên của các bên đương sự khi ly hôn, cần giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung - Công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có nên không phải đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000451 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy chị N không phải nộp tiền án phí nữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Vũ L;

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Phúc L, sinh ngày 20/10/2012 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 20/10/2014 cho anh Hoàng Vũ L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N và anh L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung - Công nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000451 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy chị N không phải nộp tiền án phí nữa.

5. Án xử công khai sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Vũ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã X;
- Lưu HS./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY